TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 7 - ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **137**/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 29/7/2026
V/v: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mận

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Võ Kim Thắng

Bà Lê Thị Sỹ

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Thúy - Thư ký Tòa án Nhân dân Khu vực 7 - Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát Nhân dân Khu vực 7- Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Võ Sỹ Thiện - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 7 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7- Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 109/2026/TLST - HNGĐ ngày 07 tháng 4 năm 2026 về việc *"Ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 1009/2026/QĐXXST - HNGĐ ngày 23 tháng 06 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: ông Võ Ngọc C, sinh năm 1966; địa chỉ: thôn T, xã P, thành phố Đà Nẵng; có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Bà Huỳnh Thị T, sinh năm 1992; địa chỉ: Thôn C, xã S, thành phố Đà Nẵng; có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- Bị đơn: bà Đỗ Thị P, sinh năm 1967; địa chỉ: thôn X, xã C, thành phố Đà Nẵng; vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, các lời khai tiếp theo nguyên đơn ông Võ Ngọc C trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông C và bà Phúc tự nguyện tìm hiểu, xác lập quan hệ hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, T, Quảng Nam - Đà Nẵng vào năm 1991. Trong quá trình chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn, ông bà không có tiếng nói chung, bất đồng quan điểm, thường xuyên cải vã, hai bên không sống chung từ năm 2016 đến nay, tình cảm không còn. Do đó, ông C yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà P.

- Về nuôi con chung: Vợ chồng ông có hai con chung là Võ Ngọc T, sinh ngày 06/4/1992 và Võ Ngọc C, sinh ngày 01/1/2001. Các con chung đã thành niên, đủ 18 tuổi, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự và đã lập gia đình riêng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn ông Võ Ngọc C bà Huỳnh Thị T có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, không có ý kiến bổ sung.

Đối với bị đơn bà Đỗ Thị P: Tòa án đã tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng bà Phúc không đến Tòa án tham gia giải quyết vụ án, không trình bày ý kiến nên Toà án không thể tiến hành lấy lời khai. Vì vậy, Toà án giải quyết vụ án theo các tài liệu, chứng cứ thu thập được.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 7 – Đà Nẵng tham gia phiên tòa:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký thực hiện đầy đủ theo trình tự thủ tục các bước tiến hành tố tụng đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình đúng quy định của pháp luật. Bị đơn chưa thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình đúng quy định của pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Võ Ngọc C, xử cho ông Võ Ngọc C được ly hôn với bà Đỗ Thị P. Về con chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét. Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn ông Võ Ngọc C khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn nên xác định quan hệ tranh chấp *"Ly hôn"* theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn bà Đỗ Thị P có nơi cư trú tại thôn X, xã C, thành phố Đà Nẵng nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 7 - Đà Nẵng theo quy định tại Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn ông Võ Ngọc C và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn bà Đỗ Thị P vắng mặt tại phiên tòa lần hai không có lý do chính đáng. Do vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2]. Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Võ Ngọc C và bà Đỗ Thị P tự nguyện tìm hiểu, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, T, Quảng Nam – Đà Nẵng vào năm 1991 nên hôn nhân của ông C và bà P là hợp pháp.

Theo lời trình bày của nguyên đơn và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, sau thời gian chung sống, giữa vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Ông C cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn là do trong thời gian chung sống ông bà phát sinh nhiều mâu thuẫn, không có tiếng nói chung, bất đồng quan điểm, thường xuyên cải vã, hai bên không còn chung sống với nhau từ năm 2016 cho đến nay, tình cảm không còn nên yêu cầu được ly hôn với bà P. Trong quá trình giải quyết vụ án bà Đỗ Thị P cố tình trốn tránh không đến để tham gia các phiên họp và hòa giải. Mặc dù Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng bà P không đến tham gia nên Tòa án không tiến hành hòa giải để vợ chồng đoàn tụ được.

Hội đồng xét xử xét thấy quan hệ hôn nhân giữa ông C và bà P đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, có đủ căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Võ Ngọc C, cho ông Võ Ngọc C được ly hôn với bà Đỗ Thị P theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về nuôi con chung: Vợ chồng có hai con chung là Võ Ngọc T, sinh ngày 06/4/1992 và Võ Ngọc C, sinh ngày 01/1/2001. Các con chung đã đủ 18 tuổi trưởng thành, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự và đã lập gia đình riêng, ông C không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3]. Về chia tài sản chung: Nguyên đơn ông C không cầu giải quyết, bị đơn không có ý kiến nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4]. Về nợ chung: Nguyên đơn khai không có nợ chung, không yêu cầu giải quyết, bị đơn không có ý kiến nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí: Nguyên đơn ông Võ Ngọc C phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4]. Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Đà Nẵng về việc tuân theo pháp luật tố tụng cũng như đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên!

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1,3 Điều 228, khoản 1 Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 *(sửa đổi, bổ sung năm 2025);*

Căn cứ các Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Võ Ngọc C.

Về quan hệ hôn nhân: Ông Võ Ngọc C được ly hôn với bà Đỗ Thị P.

Về nuôi con chung: Không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết.

Về án phí: Ông Võ Ngọc C phải chịu 300.000 *(Ba trăm nghìn)* đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 *(Ba trăm nghìn)* đồng ông C đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003375 ngày 07 tháng 4 năm 2026 của Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng. Ông Võ Ngọc C đã nộp đủ án phí.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *Các đương sự;*
- *TAND thành phố Đà Nẵng;*
- *VKSND khu vực 7;*
- *Phòng THADS khu vực 7;*
- *UBND xã Chiên Đàn, TP.Đà Nẵng;*
- *Lưu hồ sơ vụ án, án văn.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Mận

TAND KHU VỰC 7

ZGI290726.TL.QDBA.703